

## TOÁT YẾU VÀ CHÚ GIẢI DẪN NHẬP (§§132-165)

-----o0o-----

### CHƯƠNG III: LỰC VÀ GIÁC TÍNH

#### TOÁT YẾU (132-165)

132. Đối tượng [Sự vật] của tri giác đã chuyển hoá thành cái **phổ biến vô điều kiện**, vì đã vượt bỏ câu hỏi có-điều kiện (đối tượng là điều kiện của các thuộc tính hay các thuộc tính là điều kiện của đối tượng?) và bao hàm cả cái riêng, cái cá biệt ở trong cái phổ biến. Nó không đơn thuần là cái bản chất được đặt ở vị trí đối lập với cái không-bản chất. Như thế, ý thức đã **tự-mình** (mặc nhiên) nắm bắt được tính chất khái niệm của đối tượng, nhưng bản thân **chưa** trở thành thuần túy khái niệm, chưa nhận ra chính mình trong đối tượng và vẫn còn hành xử như là với một đối tượng khách quan, xa lạ với mình.
133. Đối tượng của ý thức là đối tượng [cái đúng thật] mang tính khái niệm của chính ý thức, nhưng ở đây, điều còn thiếu là ý thức về tính chất khái niệm này, tức thiếu cái **“tồn tại-cho mình”**. Vì thế, đối tượng đi đến với ý thức như cái gì hoạt động độc lập với ý thức; ý thức chỉ đơn thuần chứng kiến nó đang hoạt động. Chính **ta**, nhà quan sát hiện tượng học, phải chuyển hoá đối tượng của ý thức cho đến khi ý thức có thể nhận ra và nắm bắt chính mình ở trong đối tượng.
134. Ý thức đã hoàn toàn đồng nhất hoá cái tồn tại-cho mình và cái tồn tại-cho-cái khác của đối tượng. Đây không đơn thuần là sự đồng nhất về hình thức của đối tượng mà cả về nội dung của nó: chính đối tượng là tồn tại-cho cái khác khi nó tồn tại-cho mình. Và sự thống nhất này của hai phương diện là **tất cả** những gì mà đối tượng đã trở thành.
135. Tuy nhiên, vì các phương diện này là đồng nhất hoá với nhau, nên chúng cũng được phân biệt với nhau. Do đó, ý thức có trước mặt mình sự đối lập giữa một bên là các yếu tố nối kết lỏng lẻo trong một “môi trường” chung và bên kia là tính nhất thể chặt chẽ của đối tượng. Nhưng, các phương diện này không còn được mang lại như các cách nhìn đối lập chỉ đơn thuần loại trừ nhau, trái lại, mỗi phương diện được mang lại như cái gì có tính bản chất và tất yếu chuyển hoá thành cái khác.
136. Tiến trình của **Lực** [phạm trù cơ bản] có đúng tính chất trên đây của cái **“phổ biến vô-điều kiện”**: Lực là tiến trình trong đó những yếu tố độc lập, phân tán đi ra khỏi cái nhất thể là nơi chúng đã “đánh mất” chính mình

để rồi lại “đánh mất” chính mình ở trong cái nhất thể. Những yếu tố phân tán là sự biểu hiện ra bên ngoài của Lực, trong khi Lực đích thực hay Lực không biểu hiện ra là cái nhất thể của những gì biểu hiện ra. Đối với tư duy thì các sự phân biệt này là không có thực thể, nhưng trong tư duy ở cấp độ tri giác, “Lực không biểu hiện ra” rõ ràng là khác với “Lực biểu hiện”. Cả hai hình thức của Lực bao giờ cũng tiêu biến vào nhau, vì Lực hiện hữu trong chừng mực các hình thức này duy trì sự tiêu biến qua lại.

137. Mặc dù chính bản thân Lực – do bản tính tự nhiên – đi từ hình thức không biểu hiện của nó đến hình thức biểu hiện, nhưng các hình thức này xuất hiện ra như thể ở bên ngoài nhau (ngoại tại). Không chỉ thế, mà sự quá độ từ hình thức này sang hình thức kia tất yếu xuất hiện ra như là do một sự kích thích từ bên ngoài. Một cái gì đó ở bên ngoài Lực không biểu hiện kích thích nó phải tự biểu hiện ra; rồi cũng một cái gì đó ở bên ngoài Lực biểu hiện kích thích nó để nó quay trở về lại trong trạng thái “tiềm lực” [không biểu hiện]. Sự kích thích ngoại tại này chỉ là ngoại tại ở mặt ngoài, chứ thực ra là một phương diện không thể tách rời của bản thân Lực.
138. Như thế, một Lực được xem như cái gì tự phân hoá ra thành hai Lực: một Lực bị kích thích để biểu hiện ra (hoặc tự quay trở về lại từ sự biểu hiện ra) và Lực kia là Lực kích thích Lực trước phải làm như thế. Tuy nhiên, xét kỹ, Lực kích thích thì bản thân là bị kích thích bởi Lực mà nó kích thích để làm công việc kích thích, do đó, cả hai Lực đều kích thích và bị kích thích bởi nhau.
139. Hai Lực này kích thích và bị kích thích bởi nhau: trong quan hệ với cái kia, mỗi cái xuất hiện ra vừa như là “môi trường” trong đó các thuộc tính được phân biệt, vừa như là Lực đơn thuần ở dạng tiềm lực. Có thể nói, Lực này tác động lên lực kia hay bị Lực kia tác động, bởi “cái [Lực] khác” thực ra không gì khác hơn là chính bản thân nó.
140. Sự dị biệt giữa hai Lực hay giữa các phương diện của Lực vừa là sự dị biệt về **nội dung** (môi trường của các thuộc tính # lực tiềm năng) vừa về **hình thức** (kích thích và bị kích thích). Sự phân biệt về hình thức được mang lại như cái gì “tự-mình”, trong khi sự phân biệt về nội dung chỉ hiện hữu cho người quan sát. Nhưng, trong tiến trình hiện thực của Lực, cả hai sự phân biệt này đều bị dẹp bỏ. Lực kích thích-chủ động chuyển hoá thành đối tượng bị động của việc kích thích và ngược lại. Cũng thế, đối với nhà quan sát hiện tượng học, sự thống nhất về **khái niệm** của hai đối cực là hiển nhiên: cái kích thích cũng là cái bị kích thích; và nội dung được thực hiện cũng là hình thức ở dạng tiềm năng và ngược lại.
141. Mỗi phương diện của Lực là một thực tại tự-mình, nhưng sự tồn tại của nó thiết yếu là một tiến trình vận động về phía trước, là một sự tiêu biến thành phương diện khác. Sự tồn tại của nó thực chất là một “**tồn tại**

**[trạng thái] được thiết định” (ein Gesetzsein):** một sự thiết định hay được thiết định bởi phương diện khác. Không có gì tự mình là cố định, cứng đờ và mang tính thực thể nơi mỗi phương diện cả: Khái niệm về cả hai chỉ được tìm thấy trong sự thống nhất về bản chất của chúng. Tồn tại đúng thực của Lực không phải là thực tại mà nó dường như đạt được hay mất đi khi biểu hiện ra hay khi ở trong dạng tiềm thể mà là **cái phổ biến**, là **tư tưởng** (Khái niệm) có mặt trong cả hai trạng thái này: **“sự thống nhất này là Khái niệm về Lực với tư cách là Khái niệm”**.

142. Do đó, Lực xuất hiện ra trong hai dạng: như là một thực thể hoạt động trong thế giới **hiện tượng** và như là **Khái niệm thuần túy** ở đằng sau hay bên trên hiện tượng. Cái sau mới là cách nhìn đúng thực hơn.
143. ý thức thấy chính mình đang thâm nhập sâu vào đằng sau **vẻ ngoài (Schein)** của sự vật – với sự tiêu biến không ngừng của những yếu tố và lực – để đi đến cái hậu cảnh đúng thực của những gì mà vẻ ngoài là **hiện tượng (Erscheinung)**. Trong sự tương tác của các Lực ở vẻ ngoài, mỗi cái đều phủ định và thủ tiêu cái khác, nhưng cái hậu cảnh đúng thực thì hoàn toàn có tính khẳng định. Toàn bộ hậu cảnh này thiết yếu bao gồm những Khái niệm thuần túy như là bộ phận của Tự-ý thức của Chủ thể. Tuy nhiên, chủ thể chưa nhận ra tính chất Khái niệm **chủ quan** của những Khái niệm này và xem chúng như bản chất bên trong ở nơi bản thân đối tượng.
144. Vì thế, ở giai đoạn này, Giác tính quan niệm rằng có một thế giới đúng thực, siêu cảm tính, thường hằng, một thế giới ở “phía bên kia” (Jenseits) so với thế giới “bên này” (Diesseits) đầy biến dịch của những hiện tượng. Thế giới siêu cảm tính này là một thế giới của những nội dung mang tính Khái niệm, nhưng còn được quan niệm một cách lệch lạc như là cái gì xa lạ với Tinh thần [con người].
145. Lãnh vực của những hiện tượng-được-ý-thức là cái trung gian, qua đó Giác tính thâm nhập vào bản chất bên trong của sự vật.
146. Người ta sẵn sàng quan niệm cái bản chất bên trong của sự vật như là cái gì trống rỗng đơn thuần, không thể có nhận thức tích cực nào về nó cả (“vật-tự thân” của Kant). Những sản phẩm hoang đường của đầu óc chủ quan còn có giá trị hơn những Khái niệm hoàn toàn trống vắng nội dung này.
147. Nhưng, cái bản chất bên trong chính là “sự thật” (“chân lý”) của hiện tượng, tức sự thật trong đó sự xác tín cảm tính trực tiếp và tri giác đã vượt qua và đã được chuyển hoá thành Khái niệm. Nó ở trong quan hệ phủ định, – nhưng không phải đơn thuần phủ định – đối với thế giới hiện tượng.
148. Vì Lực và biểu hiện của nó là hoàn toàn có tính biện chứng (cái kích thích

cũng là cái bị kích thích; môi trường của những thuộc tính cũng đồng thời là Lực tiềm thể), nên Giác tính vượt ra khỏi sự tương tác của các Lực để vươn tới cái nguyên tắc hiện diện trong chúng. Nguyên tắc này không gì khác hơn là **quy luật** chi phối mọi biểu hiện của một Lực.

149. Quy luật là hình ảnh ổn định, lâu bền của những hiện tượng biến dịch, là một nguyên tắc – chi phối sự biến dịch và được nhận ra trong sự biến dịch – nên bản thân là bất biến. Thế giới siêu-cảm tính là **một vương quốc yên tĩnh của những quy luật**.
150. Vương quốc của những quy luật có sự hiện hữu hiện thực trong thế giới dưới nhiều điều kiện và hoàn cảnh rất khác nhau. Do đó, nó có xu hướng được suy tưởng bằng phương cách trừu tượng hơn và qua đó, được tinh lọc thành một hình thức trống rỗng của quy luật xét như quy luật. Chẳng hạn, quy luật vận vật hấp dẫn có tính chất trống rỗng này: nó chỉ đơn thuần nói rằng mọi sự vật đều có một quan hệ hợp quy luật với nhau. Điều này chỉ quan trọng nhằm thiết định ranh giới cho sự biến dịch và cho tính độc lập cảm tính.
151. Bên ngoài những quy luật đặc thù là quan niệm đơn thuần về quy luật, vượt lên trên những quy luật đặc thù và là quy luật xét như quy luật. Nó quy giảm mọi sự phân biệt về nội dung và hình thức trong những quy luật thành một nhất thể tuyệt đối, một tính tất yếu thuần túy.
152. Tính gập đôi của Lực tái xuất hiện trong trường hợp của những quy luật. Quy luật vừa có sự đặc thù hoá minh nhiên, trong đó mọi sự dị biệt mà quy luật áp dụng vào đều có biểu hiện riêng biệt; đồng thời – với tư cách là cái phổ quát thuần túy – vừa là nơi mọi sự đặc thù hoá ấy có thể nói đều được thu hút vào và tiêu biến đi. Vd: “điện đơn giản” là nhất thể tuyệt đối ở đằng sau điện dương và điện âm và là những quy luật nối kết chúng lại; “lực hấp dẫn đơn giản” là nhất thể tuyệt đối ở đằng sau các yếu tố như khối lượng, khoảng cách, vận tốc... và là những quy luật nối kết chúng lại. Ở đâu có những quy luật thì ở đó có cái nhất thể nền tảng được biểu hiện ra trong chúng, và bất kỳ cái nhất thể nền tảng nào cũng biểu hiện chính mình trong những quy luật đặc thù.
153. Trong quan niệm thông thường về cái bản chất ở đằng sau các quy luật, ta dễ cho rằng quy luật chỉ là một **sản phẩm phụ** của mối quan hệ giữa các yếu tố có mặt trong quy luật, chẳng hạn cho rằng vận động chỉ là một mối quan hệ bất tất giữa các biến số độc lập như khoảng cách và thời gian v.v.. Đây là một quan niệm hoàn toàn sai lầm. Vận động, trong thực tế, là cái toàn bộ mà khoảng cách và thời gian... đều phải lấy nó làm điều kiện tiên quyết (tiền-giả định), và chỉ trong vận động, chúng mới có ý nghĩa; và cũng đúng như thế trong những trường hợp tương tự, chẳng hạn lực hấp dẫn. Không thể có các quy luật trừ khi có một bản chất chung, nền tảng ở đằng sau các quy luật.

154. Bây giờ, Giác tính lại có xu hướng xem cái nhất thể đang sau quy luật như là định đề (Postulat) do **ta** đặt ra chứ không thực sự thuộc về sự vật. Theo đó, cái bản chất đang sau quy luật chỉ đơn thuần là quy luật được diễn tả một cách khác mà thôi. Tiến trình “**lập thừa**”, quy cái đồng nhất vào cho cái đồng nhất, chính là những gì được ta gọi là “**sự giải thích**”: vd: nhiều hiện tượng khác nhau về điện sở dĩ diễn ra hợp quy luật là vì Điện là cơ sở chung của chúng.
155. Tuy nhiên, ta phải đi đến chỗ nhận ra rằng sự phân biệt giữa quy luật và nhất thể bản chất ở đang sau quy luật không thể được xem đơn thuần là một sự phân biệt do **ta** rút ra. Bản thân sự vật thực hiện sự phân biệt, nên sự phân biệt này có một chỗ đứng ở trong hậu cảnh siêu cảm tính của sự vật.
156. Như thế, chính bản tính của thế giới siêu cảm tính [thế giới khả niệm] rút ra những sự phân biệt, nhưng thực chất chúng không phải là những sự phân biệt. Chính cái đồng nhất đã “đẩy” chính nó ra khỏi chính nó, và yếu tố bị đẩy ra này lại được “hút” vào lại trong cái đã đẩy nó ra, bởi về bản chất, nó cùng là một.
157. Vậy, phải thêm vào cho thế giới khả niệm siêu cảm tính thứ nhất (vương quốc yên tĩnh của những quy luật) một thế giới khả niệm, siêu cảm tính thứ hai, là thế giới **hiện thân** tất cả những sự phân biệt và loại trừ được ta tìm thấy trong thế giới hiện tượng. Thế giới khả niệm thứ hai này là thế giới **đảo ngược lại** với thế giới siêu cảm tính thứ nhất. (Thế giới siêu cảm tính thứ nhất của những quy luật bất biến là đảo ngược với thế giới hiện tượng đầy biến dịch, nên có tính phiến diện, do đó, cần thêm thế giới khả niệm thứ hai như là thế giới đảo ngược của đảo ngược để khắc phục sự phiến diện).
158. Sự đảo ngược này được hình dung như thế: cái gì là ngọt ở thế giới khả niệm thứ nhất thì là chua ở thế giới khả niệm thứ hai; là cực bắc trong cái trước thì là cực nam trong cái sau; được thưởng trong cái trước thì bị trừng phạt trong cái sau v.v., tức được hình dung là sự đảo ngược so với sự **giải thích** nói ở §154.
159. Tuy nhiên, xem xét kỹ, thế giới bị đảo ngược tự cho thấy là không thể phân biệt được với thế giới cảm tính mà nó là bản chất (lần thứ hai). Tất cả những gì ở thế giới cảm tính đều có mặt ở đó, chỉ có điều mọi sự dị biệt thực ra đều không phải là dị biệt. Hiểu cách khác thì thế giới này cũng sẽ là phiến diện giống như thế giới cảm tính và thế giới khả niệm thứ nhất. Tất cả những gì thế giới đảo ngược này hiện thân thì đều hiện diện trong những sự đối lập và căng thẳng của thế giới cảm tính hiện thực, tức là nơi có một cực bắc hiện thực nằm bên cạnh cái cực nam hiện thực và v.v..
160. Ta sẽ tiến đến cái nhìn đúng thực về mối quan hệ giữa bản chất và hiện

tượng, nếu ta thấy cả hai mặt: sự đối lập không thể phủ nhận được giữa cả hai, đồng thời mỗi bên là cái đối lập của cái đối lập của nó, và bao hàm toàn bộ sự đối lập và cái đối lập của mình ở trong chính mình. Thế giới siêu cảm tính – khi là sự đảo ngược của thế giới cảm tính – bao hàm cả thế giới cảm tính ở trong chính mình. Một sự phân biệt ở bên trong sự đồng nhất như thế gọi là **tính vô tận (Unendlichkeit)** hay **“Khái niệm tuyệt đối” (absoluter Begriff)**.

161. **“Tính vô tận”** nghĩa là: ta có a) một bản chất thống nhất, vd: sự vận động, điện... tự phân hóa ra thành b) một loạt những yếu tố được phân biệt và liên kết với nhau như không gian, thời gian, điện dương, điện âm v.v., nhưng c) những yếu tố này tự cho thấy là được **vượt bỏ (aufgehoben)** ở trong sự thống nhất (nhất thể) của chúng. Chúng là các phương diện không thể tách rời của cái nhất thể chung đang bàn.
162. Một nhất thể tuyệt đối tự phân hóa là điều bình thường. Nó chỉ có thể là một nhất thể tuyệt đối nếu nó tự phân hóa, và là chính bản thân nó trong sự phân hóa ấy. Còn nếu nó chỉ đơn thuần đứng đối lập lại với sự phân hóa, ắt nó không phải là nhất thể tuyệt đối mà bản thân là bị phân hóa ra khỏi một cái gì khác nó.
163. Sự thật [chân lý] của tất cả những bước lắt léo này đều nằm trong **Giác tính tự giác** đang tìm cách phát hiện ra chính mình và những phương diện khác nhau, những căng thẳng nội tại của chính mình. (Hiểu theo nghĩa “duy tâm **khách quan**” của **Hegel**: Giác tính không phải **tạo ra** thế giới tự nhiên một cách chủ quan, trái lại, cả hai – giác tính và thế giới cảm tính – đều là các phương diện của ý niệm tuyệt đối mà chức năng của nó là hiện thực hóa chính mình ở trong Tinh thần-tự giác).
164. Tuy nhiên, Giác tính không nhận ra được rằng tất cả những sự phân biệt này – những sự phân biệt tự giải thể thành nhất thể – chỉ đơn thuần là những diễn biến nội tại của Tự-ý thức của chính nó [Tự ý thức: biết về cái mình biết] mà chỉ mới có **ta**, nhà quan sát hiện tượng học, là nhận ra điều này.
165. Hai cái đối cực của Giác tính: nhìn vào thế giới bản chất bên trong và bản thân thế giới bên trong này nay đã hòa nhập lại với nhau. Tấm màn của hiện tượng được vén lên, và cái Tự ngã [với tư cách là biểu hiện của ý niệm tuyệt đối] sẽ đi đến chỗ chỉ nhìn thấy chính mình bên kia tấm màn che ấy. Nhưng, **với** Tự ngã [chứ không phải “cho ta”], để đi đến chỗ nhận ra chính mình, bản thân nó phải đi ra phía sau tấm màn, và để làm được điều này, còn cần trải qua nhiều chặng đường gian khổ nữa.

## CHÚ GIẢI DẪN NHẬP (§§132-165)

### 5. LỰC VÀ GIÁC TÍNH: VÉN TẮM MÀN HIỆN TƯỢNG NGĂN CÁCH Ý THỨC VÀ BẢN CHẤT CỦA SỰ VẬT

Tri giác đã nâng cái biết của ta lên được một bước, nhưng ta không khỏi thất vọng khi bị rơi vào vòng xoáy của những “cái trừu tượng”. Tìm cách thoát khỏi vòng xoáy ấy, ý thức vượt bỏ những câu hỏi về cái **có-điều kiện** (đối tượng quan hệ với các thuộc tính của nó như thế nào? Cái nào là **điều kiện** cho cái nào?... ) và đi tới cái **“phổ biến vô-điều kiện”**, tức tìm cách nhìn vào cái “Bên trong” (bản chất) của đối tượng. Cái **“phổ biến vô-điều kiện”** là gì và diễn trình biện chứng của nó ra sao, đó là chủ đề của Chương 3<sup>(1)</sup>.

#### 5.1: §§ 132-135:

Ngay đầu chương, trong §132, **Hegel** đặt vấn đề: “Trong tiến trình biện chứng của [kinh nghiệm] xác tín cảm tính [chương I], “cái nghe” và “cái thấy” v.v.. đã mất đi đối với ý thức, và, với tư cách là “Tri giác”, ý thức đã đi đến được “các tư tưởng” [các cái “trừu tượng”]: khái niệm về sự vật, cái “Một”, cái “Nhiều”, cái “Cũng”, cái “Trong cùng mực”...]; và lần đầu tiên, các tư tưởng này mới được ý thức **kết hợp lại** trong cái **phổ biến-vô-điều kiện**. [...] Cái phổ biến-vô-điều kiện này – từ nay là đối tượng đúng thật của ý thức – vẫn còn là đối tượng **cho** ý thức; ý thức **vẫn chưa nắm bắt khái niệm về cái Vô-điều kiện như là Khái niệm**”.

Như vừa nói qua ở trên, mục đích của chương 3 là “kết hợp lại” những cái trừu tượng hay những “Momente” đã tìm thấy trong chương 2 về cái trực tiếp và cái phổ biến thành cái phổ biến-vô điều kiện. Đến nay, ý thức đã tìm ra được khái niệm về sự vật (vd: quả chanh) nhưng chưa “phân tư” về khái niệm này (“nó vẫn chưa nắm bắt khái niệm về cái Vô-điều kiện như là Khái niệm”). Nói khác đi, nhiệm vụ của cái phổ biến-vô điều kiện là “nắm bắt” khái niệm này như là Khái niệm.

Đây là công việc đầy tham vọng, vì như thế là muốn ra khỏi vòng xoáy của những sự “lừa dối” của tri giác để nhìn vào “bên trong” của sự vật, điều mà trước đây **Kant** cho rằng không thể nào làm được. Vậy, nhìn vào phía sau bức màn hiện tượng ngăn cách ý thức và “vật-tự thân” chính là công việc **“nắm bắt khái niệm như là Khái niệm”**.

Một ví dụ đơn giản giúp ta dễ hiểu hơn công việc được **Hegel** diễn tả rất rắc rối này: tôi tri giác một cái bàn đang xuất hiện ra cho tôi như một “nhất thể”. Nhưng rồi nhất thể này phân hóa ra thành “đa thể”: màu nâu, có bốn góc, có bốn chân, có

<sup>(1)</sup> Chương này tiếp tục đi sâu vào các vấn đề nhận thức luận của “ý thức tự nhiên”, xử lý và phê phán các quan niệm của **Kant**, **Locke**... nên bao hàm nhiều khái niệm nhận thức luận quan trọng: “hiện tượng”, “vẻ ngoài”, “quy luật”, “sự giải thích”, “sự đối lập”, “sự mâu thuẫn”, “tính vô tận” v.v.. Xin xem thêm các chú thích liên quan về các thuật ngữ này ở trong chương.

chạm trở, có bản lẻ, ốc vít... Sự tri giác có thể phân biệt những “đa thể” này với cái “tồn tại-tự mình” [bản chất bên trong] của cái bàn, bởi những gì tôi thấy chỉ là cái “tồn tại-cho tôi”, tức cái “tồn tại-cho cái khác” của đối tượng. Tri giác dừng lại ở sự “mâu thuẫn” ấy và “điên đầu” vì không biết “nhất thể” hay “đa thể” mới là bản chất thực sự của cái bàn. Nói cách khác, tri giác dừng lại ở khái niệm [bàn] chưa được phân tư”. Bây giờ là lúc khái niệm ấy phải được “suy tưởng”: những cái đa thể ấy không nằm một cách phân tán hay bị phân hóa trước ý thức tri giác mà quay trở về lại vào trong đối tượng nơi khái niệm “bàn”. Và đây chính là công việc của “giác tính” (Verstand). Nó vừa suy tưởng về sự phân hóa của cái Tự-mình thành nhiều cái cá biệt, vừa suy tưởng về sự quay trở về lại của những cái cá biệt ấy vào trong nhất thể của đối tượng.

Việc suy tưởng này của giác tính không chỉ là “theo dõi” sự phân hóa cái nhất thể thành đa thể và sự quay trở lại của đa thể vào trong nhất thể mà còn đi xa hơn nhiều nhằm mục đích nâng cao nhận thức: cái gì là động lực cho cái toàn bộ ấy? Cái gì chi phối, liên kết cái toàn bộ ấy lại, độc lập với những thuộc tính (mặc dù những thuộc tính vẫn được bảo lưu, chứ không phải mất hết ý nghĩa quan trọng). Nói cách khác, cái gì là “bản chất” của sự vật đang sau hiện tượng “cho ta”? Sự vật có một “hiến chương” cho sự tồn tại của nó (Seinverfassung) giống như một quốc gia có một hiến pháp?

Hegel bảo rằng có và tin rằng mình đã tìm ra được nó: giác tính chỉ nhờ có cái “hiến chương” này mới giải quyết được các vấn đề do tri giác để lại. Ông nâng cái đã tìm ra được ấy lên vị thế của một “Phạm trù” (Kategorie), thậm chí một Phạm trù nguyên thủy hay nền tảng (Ur-Kategorie). Phạm trù ấy, ông gọi là “LỰC”.

Ta nhớ rằng Aristote tìm ra mười phạm trù làm cơ sở để hình thành các mệnh đề trần thuật về một đối tượng, sự vật... Kant có mười hai phạm trù như là các “khái niệm thuần túy”, tiên nghiệm của giác tính để giúp giác tính trong việc “suy tưởng”: đặt dấu ấn của tư duy lên trên chất liệu cảm tính của tri giác để biến phán đoán tri giác [chủ quan]: chẳng hạn “khi mang vật thể, tôi cảm thấy nặng” thành phán đoán của kinh nghiệm [có giá trị nhận thức khách quan]: “vật thể là nặng” (áp dụng phạm trù “bản thể”, “tùy thể”). (Xem: Kant: *Phê phán lý tính thuần túy*, B141 và tiếp). Điểm đáng chú ý là: tuy Kant nhấn mạnh đến tính chủ động, tự khởi của giác tính để tạo ra nhận thức dựa vào các phạm trù, nhưng các phạm trù vẫn là những gì của riêng chủ thể nhận thức; và sự thống nhất siêu nghiệm của Thông giác là cái gì “đi kèm theo” tất cả mọi biểu tượng của ta (xem: Kant, *Sđd*, B132).

Ngược lại, với Hegel, suy tưởng không chỉ là “đi kèm theo” mà nâng cao nhận thức; và phạm trù LỰC là nguyên tắc nội tại của bản thân đối tượng lẫn của tư duy. Sự thống nhất – hay thậm chí đồng nhất – giữa “Tư duy” và “Tồn tại” là nguyên lý nền tảng của học thuyết của Hegel về chân lý như ta sẽ thấy rõ hơn sau này. (Xem: Chú giải dẫn nhập: 7.2). Vậy, “LỰC” có đặc điểm gì?

## 5.2: §§ 136-149:

Lực có hai phương diện:

- **phương diện ra bên ngoài:** Lực không tác động và ở yên trong chính mình thì không phải là Lực. Lực phải tác động và Hegel gọi đó là sự “biểu hiện ra bên



ngoài” (Äußerung) của Lực. Biểu hiện của Lực là cái “tồn tại-cho cái khác” của Lực. Khi hòn đá rơi vào chân tôi, đó là biểu hiện ra bên ngoài của trọng lực “cho tôi” !.

- **phương diện bên trong**: nhưng Lực phải đến từ một nơi nào đó và không phải là “mất sạch” với việc biểu hiện ra bên ngoài. Trọng lực “biểu hiện ra bên ngoài” làm đau chân tôi nhưng không có nghĩa rằng nó không còn là trọng lực.

Cuối chương Tri giác, ta đã làm quen với nhận định: “đối tượng, trong một và cùng một phương diện, là cái đối lập với chính nó; đối tượng là cho mình, trong chừng mực nó tồn tại-cho cái khác, và tồn tại-cho các khác, trong chừng mực là tồn tại-cho mình” (§128); và “cái đúng thật ... là cái đối lập [của chính nó] trong một và cùng một phương diện, và do đó, chỉ có một tính phổ biến không được phân biệt và không có tính quy định làm bản chất của nó” (§130). Từ đó, “vì lẽ cả hai [“tồn tại-cho mình” và “tồn tại-cho cái khác”] đều tồn tại một cách bản chất ở trong một **nhất thể duy nhất** nên bây giờ ta có trước mắt **tính phổ biến tuyệt đối vô-điều kiện**, và chính ở đây, ý thức lần đầu tiên mới thực sự bước vào vương quốc của Giác tính” (§129).

Bây giờ, ta thấy chính **Lực** có tính chất đúng với điều vừa nói trên, và đó là lý do vì sao Lực thể hiện cái “**phổ biến-vô điều kiện**”: “Thế nhưng, trong thực tế, **Lực là cái phổ biến-vô điều kiện** [của giác tính], là cái tồn tại-cho cái khác cũng hết như tồn tại tự mình, hay là cái có sự phân biệt (Unterschied) nơi bản thân nó, bởi sự phân biệt không gì khác hơn là sự tồn tại-cho cái khác”. (§136).

“Có sự phân biệt nơi bản thân nó” có nghĩa là: cái tồn tại-cho cái khác của Lực (tức cái đối lập hay phân biệt với cái tồn tại-cho mình) thống nhất với cái tồn tại cho mình (tức cái đối lập hay phân biệt với tồn tại-cho cái khác) của Lực. Vì thế, “về bản chất, với tư cách là **toàn bộ** Lực này, Lực vẫn là “tự mình và cho mình” [tuyệt đối, vô điều kiện]. Bước tiếp theo là cho thấy mỗi Lực thực ra gồm có hai Lực gắn liền với nhau, được Hegel gọi là **sự nhân đôi (Verdoppelung)** của Lực. Hegel cần hơn 25 trang hết sức tối tăm và rắc rối để dẫn ta đến nhận định: nếu nhận thức ở các giai đoạn xác tín cảm tính và tri giác đã **tim ra** được khái niệm thì bây giờ là nhận thức về khái niệm:

- **sự nhân đôi của Lực**: Lực không diễn ra một cách tùy hứng mà phải được kích thích. Rồi Lực được kích thích cần Lực kích thích nó và, thực ra, Lực kích thích là được kích thích để làm công việc kích thích. Điểm quan trọng là: phía sau sự đề kháng của bản thân Lực [hay đối tượng] **bị** kích thích cũng ẩn chứa một Lực giống như đằng sau Lực kích thích. Do đó, những biểu hiện ra của Lực bao giờ cũng là sự “**tương tác**” của các Lực và phản lực. (Vd: Lực và phản lực khi một võ sĩ dẫm vào bao cát để luyện tập: Lực bên trong võ sĩ biểu hiện ra và quay trở về sau cú dẫm. Lực thứ hai ẩn chứa trong bao cát biểu hiện ra như phản lực mà người võ sĩ cảm nhận được. Cả hai Lực quay trở về lại trong trường lực của mình một cách tương hỗ.
- “**Lực được đẩy ngược lại vào trong chính mình**”: có thể hình dung là “tiềm lực” đã quay trở lại vào trong chính mình sau khi biểu hiện ra, vd: trọng lực.

Tuy nhiên, ở đây, **Hegel** mở ra cánh cửa để có thể nhìn vào **bên trong**, hay nhìn

vào **bản chất** của sự vật: “Các yếu tố [mâu thuẫn nhau này] **không** được phân chia ra làm hai đối cực **độc lập** [như thế] chỉ gặp gỡ nhau trong sự tiếp xúc của hai đối cực, trái lại, bản chất của chúng hoàn toàn ở chỗ mỗi cái chỉ hiện hữu là thông qua cái khác... bởi nó chính là cái khác ấy. Cho nên, trong thực tế, chúng không có các **bản thể** riêng để chống đỡ và bảo tồn chúng. Đúng hơn là: **Khái niệm** về Lực tự bảo tồn như cái **bản chất** trong bản thân hiện thực của nó: Lực, như là Lực **hiện thực**, là hoàn toàn và chỉ ở trong **sự biểu hiện ra** của nó; và sự biểu hiện ra này, đồng thời, không gì khác hơn là một tiến trình **tự thủ tiêu** [vượt bỏ] chính nó. Lực **hiện thực** này, nếu được hình dung như là thoát ly khỏi sự biểu hiện ra của nó và tồn tại [độc lập] **cho mình**, thì bản thân sẽ là Lực được đẩy ngược lại vào trong chính mình; nhưng tính quy định này – trong thực tế và như đã thấy – bản thân đơn thuần là một yếu tố của việc **biểu hiện ra** của Lực. Vậy, chân lý đúng thật của Lực chỉ đơn thuần còn là **Tư Tưởng** [hay **Khái niệm**] về Lực, và, các yếu tố của hiện thực của nó, các bản chất [độc lập], lần tiến trình vận động của các yếu tố này đều đổ sập một cách không có chỗ tựa vào trong một sự thống nhất bất phân biệt. Sự thống nhất này **không** phải là Lực được đẩy ngược lại vào trong chính nó, - vì bản thân Lực này cũng chỉ là một yếu tố [một phương diện] -, trái lại, **sự thống nhất này là Khái niệm về Lực với tư cách là Khái niệm**” (§141). Câu trích dẫn dài vì rất quan trọng để hiểu ý của **Hegel**: Lực **không** phải là đối tượng của cái biết cảm tính (cái biết cảm tính chỉ “cảm nhận” được phương diện biểu hiện ra bên ngoài của Lực: tôi cảm thấy đau khi đá rơi vào chân). Chỉ có **giác tính** mới nhận thức được Lực đích thực [thống nhất của “hai” Lực]. Chỉ có giác tính mới nhận ra rằng Lực của những đối tượng [hiện tượng] dựa trên một cái **Bên trong** [bản chất] ẩn tàng. Đó là ý nghĩa của câu khá tối tăm ở trên: “**Chân lý đúng thật của Lực chỉ đơn thuần còn là Tư tưởng [hay Khái niệm] về Lực**”. Nói rõ hơn, bây giờ, giác tính không chỉ có khái niệm mà còn **biết** về Khái niệm (giác tính có “Khái niệm với tư cách là Khái niệm”): cái biết bây giờ có chất lượng của cái biết thực sự. Tóm lại, “thông qua trung giới của sự tương tác của các Lực, giác tính nhìn vào hậu cảnh đúng thật của sự vật”; “tám màn che... trước cái Bên trong đã được cuốn đi” (§165).

### 5.3: §§ 150-165:

- Vậy, giác tính nhìn thấy gì ? Chẳng “**nhìn thấy**” gì hết ! Bởi ở đây, các giác quan bất lực: cái Bên trong [bản chất] của sự vật là trống rỗng và là cái “Bên kia thuần túy” **đối với** ý thức cảm tính. Cho nên, một người mù nhìn vào sự phong phú của thế giới siêu-cảm tính thì cũng không khác gì một người sáng mắt nhìn vào bóng tối tuyệt đối hay ánh sáng tuyệt đối ! (§146).

**Hegel** dẫn ta đến vị trí “**bản lề**” giữa thế giới cảm tính và thế giới siêu-cảm tính (siêu-cảm tính: không còn là cảm tính nữa). Hai thế giới này quả có thể được hình dung như vận động hai chiều của một cánh cửa duy nhất xoay quanh “**bản lề**” của nó: vừa mở vào thế giới hiện tượng như Lực biểu hiện ra, vừa quay về lại trong thế giới siêu cảm tính, trong đó Lực tồn tại “**cho mình**” với tư cách là **khái niệm trừu tượng**.

Trong thế giới siêu-cảm tính này [thực chất là trong thế giới của giác tính, của tư duy], Lực là sự trừu tượng của những gì nó xuất hiện ra bên ngoài như là hiện

tượng; nói khác đi, trong thế giới siêu-cảm tính, Lực là **kết quả được khái quát hóa của Tư duy về chính bản thân mình, là Khái niệm như là Khái niệm**. Ta lấy chẳng hạn hạt muối làm ví dụ để minh họa: “Lực” của hạt muối biểu hiện ra bên ngoài thành tác động (mặn) trên vị giác của ta: đó là mặt biểu hiện trong hiện tượng cảm tính. Nhưng, trong cái “tồn tại-cho mình” của nó, hạt muối tìm thấy “chân lý đúng thực” của nó trong cái “siêu-cảm tính”: không còn đơn thuần trong khái niệm “muối” như trong tri giác nữa, mà ở trong cái biết của giác tính về phạm trù Lực ẩn tàng trong hạt muối (ví dụ: công thức hóa học NaCl là cách nói khác về “hạt muối siêu-cảm tính”. Công thức này hoàn toàn là sản phẩm của giác tính).

- Sự suy tưởng hay tư duy của giác tính về Lực và về sự biểu hiện của Lực chỉ là bước khởi đầu của cái biết về khái niệm. Bước tiếp theo sẽ là câu hỏi về cái gì là ổn định, bất biến ở trong tất cả mọi sự tương tác của Lực và phản lực. Rõ ràng, cái “thường hằng” này là ở trong **tính hợp quy luật**, chi phối ở đằng sau mọi Lực để thế giới hiện tượng không trở thành hỗn loạn, bất tất. Ta có một **“vương quốc yên tĩnh của những quy luật”** như là thế giới siêu-cảm tính **thứ nhất**. Bước suy tưởng tiếp theo sẽ là: những quy luật (tự nhiên) ấy tuy đa tạp nhưng có trật tự. Đằng sau quy luật về trọng lực chẳng hạn, ta có trọng lực; đằng sau quy luật về điện, ẩn tàng điện lực v.v.. Sự thống nhất trừu tượng này của **mọi** quy luật được **Hegel** gọi là “quy luật về Lực” (§148). Nhiều quy luật thống nhất vào một quy luật duy nhất.
- Nhưng, nếu hiểu “hai thế giới” này tách biệt với nhau thì lại là phiến diện. Do đó, không thể giả định một “thế giới siêu cảm tính thứ hai” như là sự phủ định của phủ định, sự đảo ngược của đảo ngược, vì thật ra hai thế giới này là một: cái bản chất phải biểu hiện ra thành hiện tượng, và ta chỉ có **một** thế giới, nhưng là thế giới **được** suy tưởng, nói khác đi, giác tính **biết** về chính sự hiểu biết của mình. **Hegel** gọi đó là **“tính vô tận” (Unendlichkeit)** hay **“Khái niệm tuyệt đối”** (xem: chú thích 290), là “linh hồn của tất cả những gì đã bàn trước nay”, và “**vì cho tới nay, nó [sự tương tác của các Lực] là đối tượng cho ý thức và [khi] ý thức rút cục nhận thức về nó đúng như là nó, thì bằng cách ấy, ý thức là TỰ-ý THỨC**” (§163).

**5.4.** Trở lại với ví dụ **“quả chanh”** của chúng ta như từ lúc đầu, bây giờ ta có thể tóm lược lại **hai** bước đi đầu tiên (xác tín cảm tính và tri giác) của ý thức và hiểu bước **thứ ba** (giác tính) như là sự “vượt bỏ” (phủ định, bảo lưu, nâng cao) đối với hai bước đầu tiên ấy:

- Trong **sự xác tín cảm tính** (chương 1), tôi liên hệ với một sự vật **cá biệt** trong tay tôi. Tuy về mặt **tự mình**, sự vật là sự vật **này**, ở đây và bây giờ, nhưng tôi sớm nhận ra rằng nó cũng “tồn tại-cho cái khác” (“cho tôi”), vì tôi có thể ăn nó. Từ cái cá biệt, một cái phổ biến (khái niệm “quả chanh”) ra đời.
- Trong **tri giác**, tôi nắm bắt các thuộc tính của sự vật: vỏ màu xanh (hay vàng), dạng tròn, có vị chua... Một số thuộc tính là dính dính với nhau: màu xanh không loại trừ vị chua. Một số thuộc tính lại loại trừ nhau: xanh không phải là đỏ, chua không phải là ngọt v.v.. **Kết quả của tri giác là:**

thức tuy hình thành một khái niệm trừu tượng (“quả chanh”) hoặc trừu tượng hơn nữa (“quả có múi”) nhưng trong khái niệm này, các yếu tố “nhất thể”, “đa thể” không thể được suy tưởng cùng nhau.

- Với khái niệm “quả chanh”, **giác tính** suy tưởng các yếu tố này một cách tổng hợp và phát hiện một cái gì phổ biến và vô-điều kiện nơi Khái niệm: **Lực**. Giác tính dõi theo Lực một cách biện chứng và gọi cái tồn tại-cho cái khác là sự biểu hiện ra bên ngoài của Lực: vị chua, ngon, lợi cho sức khỏe... Nhưng, Lực cũng còn có cái tồn tại-cho mình: “tiềm lực” bên trong của quả chanh là “Vitamin C”. “Vitamin” là sự thống nhất của tồn tại-cho mình và tồn tại-cho cái khác như là “Lực được đẩy ngược lại vào trong chính mình” và là **một sản phẩm của giác tính của tôi**. Bây giờ, giác tính không chỉ biết rằng sự vật có một Lực mà còn **biết về cái biết** của mình. Sự phân cắt giữa hiện tượng và bản chất đã được vượt bỏ.

Như thế, ý thức của tôi về đối tượng không phải là ý thức về một hiện thực xa lạ, mà là **ý thức về cái biết của tôi**. ý thức về chính mình không gì khác hơn là **Tự-ý thức**, chủ đề của chương IV.